

Số: /2026/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 279/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 17/2023/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi là Quy chế thi) như sau:

“2. Mỗi sở GDĐT, mỗi đại học, trường đại học (không thuộc đại học) có trường THPT tổ chức giảng dạy chương trình giáo dục nâng cao, trường phổ thông trực thuộc Bộ GDĐT và Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc được đăng ký là một đơn vị dự thi.”

Điều 2. Bổ sung điểm c khoản 2 Điều 4 của Quy chế thi như sau:

“c) Các thí sinh đoạt giải môn Tin học cùng năm học được dự thi Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic Trí tuệ nhân tạo.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 của Quy chế thi như sau:

“Điều 5. Môn thi, nội dung thi, hình thức thi, thời gian làm bài thi

1. Đối với kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

a) Tổ chức thi các môn: Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí và môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật). Chỉ xem xét tổ chức thi đối với môn thi có ít nhất 05 đơn vị đăng ký dự thi trở lên. Việc điều chỉnh môn thi (nếu có) sẽ được Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét quyết định;

b) Nội dung thi nằm trong Chương trình giáo dục phổ thông, Chương trình giáo dục nâng cao;

c) Hình thức thi, thời gian làm bài thi: Có hai buổi thi đối với các môn Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học và các môn Ngoại ngữ; Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí. Môn Tin học thi trên máy vi tính; các môn khác thi theo hình thức viết trên giấy. Thời gian làm bài thi các môn thi là 180 phút. Buổi thi thứ hai của môn Ngoại ngữ (thi nói) có thời gian ghi âm là 05 phút;

2. Đối với Kỳ thi chọn đội tuyển Olympic:

a) Tổ chức thi Toán, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học

b) Nội dung thi tiếp cận với Olympic quốc tế và khu vực.

c) Hình thức thi, thời gian làm bài thi: Có hai buổi thi đối với mỗi môn thi, riêng các môn Vật lí, Hóa học và Sinh học có thêm một buổi thi thực hành; thời gian làm bài thi đối với môn Tin học là 300 phút/bài thi, môn Toán là 270 phút/bài thi, các môn còn lại là 240 phút/bài thi. Thời gian làm bài thi của buổi thi thực hành đối với các môn Vật lí, Hóa học và Sinh học là 180 phút.

3. Việc thành lập đội tuyển Olympic Trí tuệ nhân tạo được tổ chức theo hướng dẫn tổ chức thi hằng năm của Bộ GDĐT.”

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 9 của Quy chế thi như sau:

“a) Trưởng ban là Thứ trưởng Bộ GDĐT; Phó Trưởng ban là lãnh đạo các đơn vị chức năng liên quan thuộc Bộ GDĐT, trong đó Phó Trưởng ban thường trực là lãnh đạo Cục Quản lý chất lượng (QLCL); Ủy viên là lãnh đạo một số đơn vị liên quan thuộc Bộ GDĐT và các bộ, ban, ngành liên quan; Thư ký giúp việc Ban Chỉ đạo thi là công chức, viên chức của các đơn vị liên quan thuộc Bộ GDĐT và các bộ, ban, ngành liên quan;”

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 của Quy chế thi như sau:

“1. Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

a) Mỗi Sở GDĐT căn cứ theo số lượng học sinh cấp THPT của tỉnh (theo số lượng học sinh tại thời điểm khai giảng năm học đó) để đăng ký tối đa số lượng thí sinh cho đội tuyển mỗi môn thi, cụ thể: từ 300 nghìn học sinh trở lên là 30 thí sinh; từ 135 nghìn học sinh đến dưới 300 nghìn học sinh là 25 thí sinh; từ 100 nghìn học sinh đến dưới 135 nghìn học sinh là 20 thí sinh; từ 50 nghìn học sinh đến dưới 100 nghìn học sinh là 15 thí sinh; dưới 50 nghìn học sinh là 10 thí sinh;

b) Mỗi đại học quốc gia được đăng ký tối đa 15 thí sinh cho đội tuyển mỗi môn thi;

c) Các đơn vị dự thi không thuộc điểm a, b khoản này được đăng ký tối đa 10 thí sinh cho đội tuyển mỗi môn thi;

d) Đội tuyển mỗi môn thi của đơn vị có thí sinh đoạt huy chương trong kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực do Bộ GD&ĐT thành lập đoàn, trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia năm liền kề tiếp theo, đội tuyển của môn thi đó được đăng ký tăng thêm tối đa 02 thí sinh dự thi so với số lượng thí sinh quy định tại điểm a, b, c khoản này. Mức tăng này chỉ áp dụng cho năm liền kề tiếp theo năm có thí sinh đoạt huy chương, không được bảo lưu hoặc cộng dồn; trường hợp không tiếp tục có thí sinh đoạt huy chương thì số lượng thí sinh dự thi của năm sau đó thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản này.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 18 của Quy chế thi như sau:

“a) Chủ tịch Hội đồng ra đề tổ chức bốc thăm các chủ đề/tiểu mục chủ đề đề xây dựng cấu trúc đề thi đối với từng môn thi. Tổ trưởng Tổ ra đề thi phối hợp với Tổ thư ký loại bỏ tất cả thông tin liên quan đến người soạn thảo đề thi đề xuất. Tổ ra đề thi rà soát, phân loại câu hỏi thi trong đề thi đề xuất (gọi tắt là câu hỏi thi đề xuất) theo cấu trúc đề thi. Tổ ra đề thi tổ chức đánh giá từng câu hỏi thi đề xuất, lựa chọn các câu hỏi thi đề xuất đáp ứng yêu cầu làm nguồn tham khảo để soạn thảo đề thi và báo cáo Lãnh đạo Hội đồng bằng văn bản; trường hợp có từ hai câu hỏi thi đề xuất trở lên đã được lựa chọn trong cùng một đơn vị cấu trúc của đề thi thì lựa chọn theo phương thức bốc thăm bằng phiếu. Việc soạn thảo đề thi bảo đảm nguyên tắc biến đổi câu hỏi thi đề xuất và không sử dụng quá một câu hỏi của một người ra đề thi đề xuất. Riêng đối với các môn Ngoại ngữ, việc tham khảo và lựa chọn các câu hỏi thi đề xuất để soạn thảo đề thi từ một người ra đề thi đề xuất không được vượt quá 20% tổng số điểm bài thi;”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản 3 tại Điều 20 của Quy chế thi như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

“d) Tổ chức thực hiện các khâu trong quy trình coi thi bảo đảm nghiêm túc, an toàn, đúng Quy chế thi và các văn bản Hướng dẫn tổ chức thi. Tổ chức kiểm tra, rà soát các vật dụng, thiết bị điện tử của thí sinh mang theo trước khi vào phòng thi; việc kiểm tra phải được thực hiện với thiết bị dò kim loại.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 4 như sau:

“g) Khi thực hiện nhiệm vụ, các thành viên: không được mang các thiết bị thu phát thông tin; không được làm việc riêng; không được hút thuốc; không được sử dụng đồ uống có cồn. Trong trường hợp cần thiết, chỉ lãnh đạo Hội đồng coi thi

được liên hệ bằng điện thoại cố định, có loa ngoài dưới sự giám sát của công an, bảo vệ (phải lập biên bản về địa chỉ và nội dung liên hệ).”

Điều 8. Bổ sung Điều 26a của Quy chế thi như sau:

“Điều 26a. Quản lý, sử dụng hệ thống camera giám sát trong tổ chức thi

1. Tại các phòng thi, khu vực hành lang, phòng bảo quản đề thi, phòng chứa bài thi phải có hệ thống camera giám sát bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Ghi hình bao quát toàn bộ phòng thi và khu vực hành lang bảo đảm ghi hình đầy đủ quá trình vận chuyển đề thi từ phòng Hội đồng coi thi đến các phòng thi và bài thi từ các phòng thi về phòng Hội đồng coi thi; đối với phòng bảo quản đề thi, phòng chứa bài thi phải ghi hình toàn bộ phòng, các vật dụng chứa đề thi, bài thi và các hành vi tác động đến các vật dụng đó;

b) Camera hoạt động ghi hình liên tục trong suốt quá trình tổ chức thi tại khu vực thi;

c) Hệ thống camera chỉ được kết nối hữu tuyến (có dây) trong mạng cục bộ để truyền dữ liệu ghi hình đến hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung và màn hình hiển thị; việc truyền, lưu trữ dữ liệu phải bảo đảm an ninh, an toàn, bảo mật và lưu trữ dữ liệu ghi hình toàn bộ quá trình tổ chức thi tại điểm thi. Hệ thống camera không được sử dụng kết nối không dây hoặc kết nối với mạng Internet.

2. Quản lý, giám sát hệ thống camera

a) Chủ tịch Hội đồng coi thi phân công người quản lý, kiểm tra, theo dõi hệ thống camera; thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống camera;

b) Màn hình hiển thị hình ảnh ghi hình của hệ thống camera giám sát đặt tại phòng trực của Hội đồng coi thi.

3. Quản lý và lưu trữ dữ liệu ghi hình camera

a) Ngay sau khi kết thúc buổi thi cuối cùng, Hội đồng coi thi thực hiện niêm phong thiết bị lưu trữ dữ liệu (thẻ nhớ/ổ cứng) của hệ thống camera dưới sự chứng kiến của Chủ tịch Hội đồng coi thi;

b) Thiết bị lưu trữ dữ liệu sau khi niêm phong được bàn giao cho đơn vị tổ chức thi để bảo quản trong thời gian tối thiểu 09 tháng.

4. Dữ liệu camera là căn cứ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm Quy chế thi.”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 4 Điều 28 của Quy chế thi như sau:

“đ) Tổ chấm thi chịu trách nhiệm chấm thi theo quy định tại Điều 30 Quy chế này; phối hợp ghép phách, lên điểm thi; đề xuất phương án xử lý kết quả thi đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 32 và Điều 33 Quy chế này, làm cơ sở để

Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt; trong trường hợp phát hiện các thí sinh có dấu hiệu chép bài của nhau, báo cáo ngay với Chủ tịch Hội đồng để xem xét và xử lý theo quy định;”

Điều 10. Bổ sung Điều 30a của Quy chế thi như sau:

“Điều 30a. Quy định chấm bài thi trên máy tính

1. Quy định chung

a) Tổ chấm thi có trách nhiệm nghiên cứu, thảo luận, thống nhất việc vận dụng Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm; lập biên bản và trình Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt trước khi tổ chức chấm thi;

b) Sau khi Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm, Tổ chấm thi thực hiện chấm chung tối thiểu 10 bài thi trên Hệ thống phần mềm chấm thi để thống nhất cách chấm trước khi tổ chức chấm chính thức;

c) Việc chấm chung được thực hiện trên bản số hóa của bài thi. Kết quả chấm chung được lưu trên Hệ thống chấm thi và lập biên bản chấm chung. Trường hợp sau khi chấm chung cần điều chỉnh Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm hoặc tiêu chí chấm thì Tổ chấm thi báo cáo Chủ tịch Hội đồng chấm thi xem xét, quyết định trước khi tổ chức chấm chính thức;

d) Mỗi giám khảo được cấp tài khoản để đăng nhập hệ thống và thực hiện chấm thi; các giám khảo có trách nhiệm quản lý, bảo mật tài khoản và thực hiện đúng các quy định về chấm thi trên hệ thống.

2. Quét bài thi

a) Hội đồng chấm thi tổ chức quét bài thi bằng hệ thống phần mềm do Bộ GDĐT quy định để tạo bản số hóa của từng bài thi. Việc quét bài thi phải bảo đảm bản số hóa bài thi thể hiện đầy đủ nội dung bài thi, hình ảnh rõ nét, đủ số trang và đúng thứ tự các trang. Trường hợp bản số hóa không bảo đảm chất lượng thì phải thực hiện quét lại bài thi. Phải kiểm tra, đối chiếu số lượng bài thi từng môn của đơn vị đã quét trên hệ thống bảo đảm khớp với số lượng bài thi giấy, số lượng thí sinh dự thi trên phiếu thu bài thi;

b) Bài thi gốc sau khi quét được niêm phong, bảo quản và bàn giao theo quy định.

3. Tổ chức chấm bài thi

a) Sau khi hoàn thành việc số hóa bài thi, phần mềm thực hiện sinh phách tự động cho từng bài thi. Tổ trưởng Tổ chấm thi thực hiện phân công giám khảo chấm thi theo phân môn và gửi bản phân công cho Hội đồng chấm thi. Hệ thống chấm thi tự động phân công ngẫu nhiên bài thi theo mã phách điện tử cho các giám khảo chấm thi độc lập. Người chấm chỉ được phép truy cập các bài thi được

phân công chấm và không được biết thông tin của thí sinh hoặc kết quả chấm thi của người chấm khác;

b) Giám khảo thực hiện việc chấm trực tiếp trên Hệ thống phần mềm chấm thi theo Hướng dẫn chấm, đáp án, thang điểm và tiêu chí chấm đã được phê duyệt; chấm điểm theo từng câu hỏi, ý hỏi hoặc tiêu chí chấm. Hệ thống chấm thi tự động tính tổng điểm của bài thi trên cơ sở điểm thành phần do giám khảo nhập. Đối với các câu hỏi có đáp án đã xác định, phần mềm thực hiện tự động chấm điểm theo thang điểm quy định;

c) Trường hợp phát hiện bài thi có dấu hiệu bất thường hoặc nghi vấn trong quá trình chấm, giám khảo báo cáo Tổ trưởng Tổ chấm thi để xử lý theo quy định;

d) Việc chấm thi phải bảo đảm sự chính xác, công bằng, khách quan, đánh giá đúng kết quả bài làm của thí sinh; chấm điểm bài thi phải theo đúng thang điểm đã được Chủ tịch Hội đồng chấm thi phê duyệt; điểm của một câu trong bài thi là tổng các điểm thành phần của câu; điểm của bài thi là tổng điểm của các câu trong bài thi, không làm tròn.

4. Xử lý kết quả chấm thi

Sau khi các giám khảo hoàn thành việc chấm, Hệ thống phần mềm chấm thi tự động đối sánh kết quả chấm theo từng câu hỏi, ý hỏi hoặc tiêu chí chấm.

a) Trường hợp kết quả chấm của hai giám khảo thống nhất ở tất cả các câu hỏi, ý hỏi hoặc tiêu chí chấm thì Hệ thống phần mềm ghi nhận kết quả chấm của bài thi;

b) Trường hợp kết quả chấm của hai giám khảo có sự khác nhau ở bất kỳ câu hỏi, ý hỏi hoặc tiêu chí chấm nào, Hệ thống phần mềm thông báo để hai giám khảo rà soát và thống nhất kết quả. Nếu hai giám khảo không thống nhất được kết quả chấm hoặc xét thấy cần thiết, báo cáo Tổ trưởng Tổ chấm thi để tổ chức chấm lần thứ ba hoặc chấm chung;

c) Hệ thống chấm thi lưu trữ đầy đủ kết quả của từng lần chấm, kết quả sau khi xử lý, lịch sử thao tác, thời gian thực hiện và thông tin của người thực hiện để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, thanh tra, phúc khảo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

5. Ghép phách, lên điểm, bảo quản bài thi và dữ liệu chấm thi: Sau khi hoàn thành việc chấm điểm của môn thi nào thì thực hiện tổng hợp kết quả, xác định điểm chính thức của bài thi, xếp giải và khóa dữ liệu điểm. Việc ghép phách chỉ được thực hiện khi có sự đồng ý của Chủ tịch Hội đồng chấm thi.

6. Phúc khảo bài thi chấm trên máy tính

a) Tổ Thư ký Hội đồng phúc khảo tiến hành mở niêm phong túi chứa bài thi giấy và rút các bài thi đề nghị phúc khảo; sau khi rút bài thi xong, thực hiện niêm

phong lại túi bài thi theo quy định. Các bài thi phúc khảo được đóng gói, niêm phong theo từng môn thi, ngày thi;

b) Tổ Thư ký Hội đồng phúc khảo cập nhật danh sách thí sinh đề nghị phúc khảo vào phần mềm chấm thi; hệ thống tự động trích xuất các bài thi số hóa của thí sinh đề nghị phúc khảo;

c) Việc chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo hình thức chấm chung. Người chấm phúc khảo thực hiện chấm bài thi trên máy tính theo quy trình chấm phúc khảo. Tổ chấm thi thực hiện tổng hợp kết quả bài chấm phúc khảo và đối chiếu với kết quả chấm trước đó để xác định kết quả cuối cùng theo quy định. Tất cả những trường hợp bài thi có thay đổi điểm đều phải đối chiếu kiểm tra với bài thi giấy và thực hiện đối thoại với người chấm lượt đi để thống nhất kết quả bài thi; trường hợp không thống nhất được thì phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng phúc khảo để xử lý theo thẩm quyền;

d) Kết thúc việc phúc khảo, Hội đồng phúc khảo lập biên bản tổng hợp, có chữ ký của lãnh đạo Hội đồng phúc khảo và tất cả các thành viên, Tổ Giám sát;

e) Điểm các bài thi được điều chỉnh sau phúc khảo do Chủ tịch Hội đồng phúc khảo xem xét quyết định trên nguyên tắc bảo đảm khách quan, công bằng, đúng quy định.”

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 31 của Quy chế thi như sau:

“3. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề nghị phúc khảo: Công văn đề nghị phúc khảo bài thi gửi về Cục QLCL trong vòng 05 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi. Quá thời hạn trên, Công văn đề nghị phúc khảo không được chấp nhận.”

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 34 của Quy chế thi như sau:

“2. Căn cứ kết quả của kỳ thi, Cục trưởng Cục QLCL cấp Giấy chứng nhận cho thí sinh. Giấy chứng nhận chỉ được cấp một lần dưới dạng bản điện tử.”

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 42 của Quy chế thi như sau:

“5. Hủy bỏ kết quả thi đối với những thí sinh: Viết, vẽ vào tờ giấy thi những nội dung không liên quan đến bài thi; để người khác thi thay hoặc làm bài thay cho người khác dưới mọi hình thức; sửa chữa, thêm bớt vào bài làm sau khi đã nộp bài; dùng bài của người khác để nộp; chép bài của nhau được giám khảo phát hiện khi chấm bài; bị phát hiện vi phạm quy chế thi qua quá trình kiểm tra dữ liệu camera giám sát.”

Điều 14. Bổ sung khoản 4, 5, 6 Điều 43 của Quy chế thi như sau:

“4. Ban hành quy định, hướng dẫn về việc tổ chức ra đề thi, coi thi, chấm thi đối với việc thành lập đội tuyển Olympic Trí tuệ nhân tạo.

5. Quyết định về việc xử lý kỷ luật của thí sinh đối với các trường hợp được phát hiện sau khi kết thúc quá trình coi thi.

6. Thành lập Hội đồng để đối chất kết quả chấm thi sau khi công bố kết quả kỳ thi chọn đội tuyển Olympic quốc tế.”

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 45 của Quy chế thi như sau:

“4. Ban hành quy định về công tác tuyển chọn học sinh vào đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia của đơn vị bảo đảm công bằng, khách quan và nghiêm túc. Chịu trách nhiệm toàn diện về công tác tuyển chọn đội tuyển và các nội dung liên quan trước, trong và sau kỳ thi; thực hiện giải trình về công tác tuyển chọn khi có yêu cầu. Tổ chức tuyển chọn và thành lập các đội tuyển để tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thực hiện các quy định và yêu cầu về đăng ký dự thi, chịu trách nhiệm về hồ sơ dự thi của thí sinh; gửi danh sách thí sinh các đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia cùng với đề thi và hướng dẫn chấm thi trong kỳ thi chọn đội tuyển của đơn vị về Bộ GDĐT.”

Điều 16. Bãi bỏ Phụ lục số lượng thí sinh tối đa cho đội tuyển của mỗi môn thi được ban hành kèm theo Thông tư số 23/2025/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; Hiệu trưởng các trường phổ thông chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Cục QLCL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thưởng